

Tăng tỷ trọng

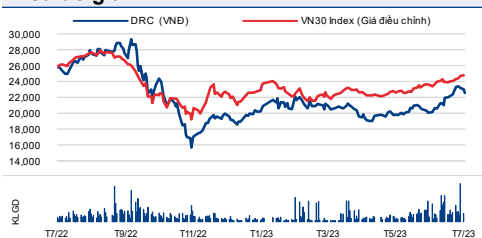
Giá mục tiêu: VNĐ24,000

Tiềm năng tăng/giảm: 6.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/7/2023)	22,550
Mã Bloomberg	DRC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,724-29,288
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	22,917
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,679
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	113
Slg CP lưu hành (tr.đv)	119
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	58.2
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	8.90%
Tỷ lệ freefloat	41.4%
Cổ đông lớn	in Hóa chất Việt Nam (50.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	4,899	5,052	5,775
EBITDA đc (tỷ đồng)	417	401	594
LNTT (tỷ đồng)	387	272	392
LNT ĐC (tỷ đồng)	281	198	285
FCF (tỷ đồng)	50.8	328	224
EPS ĐC (đồng)	2,363	1,665	2,401
DPS (đồng)	1,200	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,082	16,712	17,850
T.trưởng EBITDA (%)	10.3	(3.86)	48.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	6.02	(29.5)	44.2
Tăng trưởng DPS (%)	(29.4)	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.51	7.93	10.3
Tỷ suất LNTT (%)	7.89	5.38	6.78
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.30	4.30	5.43
Tỷ lệ LN trả CT (%)	46.2	65.6	56.9
Nợ thuần/VCSH (%)	33.8	54.2	55.2
ROAE (%)	16.7	11.2	15.3
ROACE (%)	22.6	14.7	18.9
EV/doanh thu (lần)	0.66	0.72	0.64
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.70	9.05	6.24
P/E ĐC (lần)	9.54	13.5	9.39
P/B (lần)	1.40	1.35	1.26
Lợi suất cổ tức (%)	5.32	5.32	6.65

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DRC là một trong những doanh nghiệp nội địa sản xuất lốp xe lớn nhất Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2023: Lợi nhuận thuần giảm 39%, sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q2/2023 của DRC giảm 39% xuống 51 tỷ đồng trong khi doanh thu tăng 1%, sát với dự báo của chúng tôi. Tỷ suất lợi nhuận giảm do DRC áp dụng chương trình chiết khấu cho khách hàng trong giai đoạn kinh doanh khó khăn vừa qua.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2023 lần lượt là 2.274 tỷ đồng (giảm 7%) và 76 tỷ đồng (giảm 49%), đạt lần lượt 45% và 35% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi.
- BLĐ đặt kế hoạch doanh thu thuần Q3/2023 là 1.270 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ nhưng tăng 9% so với quý trước) và LNTT là 72 tỷ đồng (giảm 25% so với cùng kỳ nhưng tăng 14% so với quý trước).
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu là 24.000đ (tiềm năng tăng giá là 6%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2023

KQKD Q2/2023 sát với dự báo của chúng tôi với doanh thu thuần khả quan trong khi lợi nhuận thuần sụt giảm.

Doanh thu thuần vẫn vững chắc, tăng 1% so với cùng kỳ

Theo thị trường, thị trường xuất khẩu khả quan đã bù đắp sự suy yếu tại thị trường trong nước suy yếu.

- Nhu cầu trong nước sụt giảm kể từ Q2/2022 do tình hình kinh tế khó khăn và hoạt động vận tải suy yếu khiến nhu cầu thay thế lốp xe thấp.

Doanh thu trong nước trong Q2/2023 giảm 12% so với cùng kỳ xuống 403 tỷ đồng, đóng góp 34% tổng doanh thu, so với 38% trong Q2/2022.

- Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu vẫn tích cực trong Q2/2023 đạt 33 tỷ USD (796 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ) bất chấp Brazil (thị trường xuất khẩu chính của DRC) nâng mức thuế nhập khẩu đối với lốp xe chờ hàng từ 0% lên 16% vào cuối tháng 3/2023. Do đó, doanh thu tại Brazil trong Q2/2023 giảm khoảng 20% so với cùng kỳ xuống 17 triệu USD, và chỉ còn đóng góp 50% tổng doanh thu xuất khẩu trong Q2/2023, so với 64% trong Q2/2022.

Tuy nhiên, DRC đã có thể mở rộng sang các thị trường xuất khẩu khác, bao gồm Mỹ (thị trường cũ) và Ai Cập (thị trường mới) để bù đắp cho sự sụt giảm tại Brazil.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2023, DRC

Lợi nhuận thuần Q2/2023 giảm 39% xuống 51 tỷ đồng trong khi doanh thu tăng

Tỷ đồng	Q2/22	Q2/23	% sv cùng kỳ	6T22	6T23	% sv cùng kỳ	% thực hiện
Lợi nhuận gộp	1,148	1,162	1.2%	2,432	2,274	-6.5%	45.0%
Lãi (lỗ) tài chính ròng	205	145	-29.1%	405	260	-35.7%	
Chi phí BH&QL	(0)	1	N/a	(7)	(4)	-45.9%	
Thu nhập thuần khác	(101)	(83)	-18.0%	(213)	(165)	-22.4%	
LNTT	1	0	-81.8%	1	0	-75.4%	
Lợi nhuận thuần	105	63	-39.8%	186	92	-50.6%	33.9%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	84	51	-39.4%	150	76	-49.1%	35.1%
Lợi nhuận gộp	17.8%	12.5%		16.7%	11.4%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7.3%	4.4%		6.2%	3.4%		

Nguồn: DRC, HSC

Theo sản phẩm, doanh thu lớp bias giảm 13% so với cùng kỳ xuống 248 tỷ đồng, nhưng được bù đắp nhờ tăng trưởng doanh thu các sản phẩm khác.

...nhưng lợi nhuận thuần sụt giảm kéo dài

Mặc dù doanh thu thuần khả quan, lợi nhuận thuần Q2/2023 giảm 39% so với cùng kỳ xuống 51 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm tại tất cả các sản phẩm, với lớp bias giảm mạnh hơn so với lớp radial. Chúng tôi cho rằng kết quả này là do DRC áp dụng chương trình chiết khấu để hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn môi trường kinh doanh khó khăn vừa qua.

Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận cải thiện đáng kể so với quý trước nhờ chi phí đầu vào giảm.

Q3/2023: Kế hoạch LNTT giảm 25% so với cùng kỳ nhưng tăng 14% so với quý trước

BLĐ đặt kế hoạch doanh thu thuần Q3/2023 là 1.270 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ nhưng tăng 9% so với quý trước) và LNTT là 72 tỷ đồng (giảm 25% so với cùng kỳ nhưng tăng 14% so với quý trước). Trong khi kế hoạch doanh thu sát với dự báo của chúng tôi, kế hoạch LNTT thấp hơn 10% so với dự báo của chúng tôi là 80 tỷ đồng.

HSC kỳ vọng doanh thu Q3/2023 sẽ tăng so với quý trước, nhờ doanh thu trong nước cải thiện và doanh thu xuất khẩu sang Mỹ gia tăng.

- Doanh thu trong nước có thể sẽ được hỗ trợ nhờ các dự án đầu tư công và chính sách cắt giảm 2% thuế GTGT. Trên thực tế, doanh thu trong nước ở mức thấp trong tháng 6/2023 do khách hàng trì hoãn đặt hàng sang tháng 7/2023 để hưởng lợi từ việc cắt giảm 2% thuế GTGT.
- Trong khi đó, đơn đặt hàng từ Mỹ bắt đầu gia tăng với đơn đặt trước gần 30.000 lốp radial tính riêng trong tháng 7/2023, so với bình quân 15.000 lốp trong những tháng trước đó.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì dự báo, giá mục tiêu là 24.000đ và khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với DRC. DRC đang giao dịch với P/E dự phóng 2023 và 2024 lần lượt là 13,5 lần và 9,4 lần, tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, so với mức bình quân trong quá khứ là 12,0 lần (tính từ năm 2019).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, DRC

Doanh thu trong nước trong Q2/2023 giảm 12% so với cùng kỳ, được bù đắp bởi doanh thu xuất khẩu tăng 8% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/22	Q2/23	% so với cùng kỳ	6T22	6T23	% so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,197	1,199	0%	2,551	2,352	-8%
Trong nước	458	403	-12%	1,172	780	-33%
Xuất khẩu	739	796	8%	1,380	1,571	14%
% tỷ trọng đóng góp						
Trong nước	38%	34%		46%	33%	
Xuất khẩu	62%	66%		54%	67%	

Nguồn: DRC, HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo dòng sản phẩm, DRC

Trong Q2/2023, doanh thu lốp bias giảm 13% so với cùng kỳ, nhưng được bù đắp nhờ tăng trưởng doanh thu các sản phẩm khác

Tỷ đồng	Q2/22	Q2/23	% so với cùng kỳ	6T22	6T23	% so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,148	1,162	1.2%	2,475	2,274	-8.1%
Lốp radial	681	702	3.0%	1,355	1,462	7.9%
Lốp bias	285	248	-13.0%	710	442	-37.8%
Lốp xe máy	78	89	14.1%	176	161	-8.5%
Lốp xe đạp	59	75	26.0%	133	125	-5.5%
SP khác	182	212	16.6%	410	370	-9.7%

Nguồn: DRC, HSC

Bảng 4: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo dòng sản phẩm, DRC

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2023 giảm tại tất cả các sản phẩm

	Q1/22	Q2/22	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	% chênh lệch
TS LNG	15.6%	17.8%	16.9%	16.1%	10.3%	12.5%	-5.3%
Lốp radial	13.9%	15.4%	15.8%	15.9%	9.9%	14.3%	-1.0%
Lốp bias	19.3%	22.8%	22.3%	19.1%	13.6%	12.2%	-10.6%
Lốp xe máy	9.9%	14.6%	10.5%	7.1%	1.0%	0.3%	-14.3%
Lốp xe đạp	13.7%	18.0%	12.0%	9.8%	6.8%	9.3%	-8.7%

Nguồn: DRC

Bảng 5: Kế hoạch Q3/2023, DRC

BLĐ đặt kế hoạch LNTT trong Q3/2023 giảm 25% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q3/22	KH Q3/23	% y/y	% q/q	9T22	9T23	% y/y
Doanh thu thuần	1,353	1,270	-6.1%	9.3%	3,784	3,544	-6.3%
LNTT	96	72	-25.1%	14.2%	283	164	-42.0%

Nguồn: DRC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	4,380	4,899	5,052	5,775	6,165
Lợi nhuận gộp	747	813	663	847	906
Chi phí BH&QL	(368)	(397)	(354)	(404)	(432)
Thu nhập khác	0.04	1.40	0	0	0
Chi phí khác	(1.04)	(0.26)	(0.25)	(0.29)	(0.31)
EBIT	378	417	309	442	474
Lãi vay thuần	(13.8)	(30.2)	(37.8)	(50.6)	(47.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	364	387	272	392	427
Chi phí thuế TNDN	(73.3)	(78.2)	(54.2)	(78.1)	(85.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	291	308	217	313	342
Lợi nhuận thuần ĐC	265	281	198	285	311
EBITDA ĐC	378	417	401	594	626

EPS (đồng)	2,449	2,597	1,830	2,638	2,877
EPS ĐC (đồng)	2,229	2,363	1,665	2,401	2,618
DPS (đồng)	1,700	1,200	1,200	1,500	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	119	119	119	119	119
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	89.6	155	10.9	(66.6)	106
Đầu tư ngắn hạn	320	210	152	173	92.5
Phải thu khách hàng	208	257	264	308	335
Hàng tồn kho	1,432	1,710	1,768	2,021	2,158
Các tài sản ngắn hạn khác	67.2	127	131	150	160
Tổng tài sản ngắn hạn	2,117	2,460	2,326	2,586	2,851
TSCĐ hữu hình	973	899	1,410	1,374	1,254
TSCĐ vô hình	2.74	2.03	1.32	0.61	(0.09)
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.24	11.6	11.6	11.6	11.6
Đầu tư vào Cty LD,LK	4.14	4.39	4.39	4.39	4.39
Tài sản dài hạn khác	41.9	43.8	45.2	51.5	55.0
Tổng tài sản dài hạn	1,022	960	1,473	1,443	1,325
Tổng cộng tài sản	3,139	3,420	3,798	4,028	4,175
Nợ ngắn hạn	572	686	657	693	678
Phải trả người bán	408	471	500	552	578
Nợ ngắn hạn khác	229	213	201	224	237
Tổng nợ ngắn hạn	1,363	1,508	1,508	1,641	1,677

Nợ dài hạn	1.66	0.69	304	266	213
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.42	0.42	0.42	0.42	0.42
Tổng nợ dài hạn	2.08	1.11	304	266	213

Tổng nợ phải trả	1,365	1,509	1,812	1,907	1,891
-------------------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

Vốn chủ sở hữu	1,774	1,910	1,985	2,120	2,284
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0.67	0.67	0.67	0.67
Tổng vốn chủ sở hữu	1,774	1,911	1,986	2,121	2,285

Tổng nợ phải trả và VCSH	3,139	3,420	3,798	4,028	4,175
---------------------------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

BVPS (đ)	14,934	16,082	16,712	17,850	19,227
Nợ thuần/(tiền mặt)	484	532	949	1,026	785

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	378	417	309	442	474
Khấu hao	0	0	(91.4)	(152)	(152)
Lãi vay thuần	(13.8)	(30.2)	(37.8)	(50.6)	(47.4)
Thuế TNDN đã nộp	0	0	(54.2)	(78.1)	(85.2)
Thay đổi vốn lưu động	0	0	(35.9)	(245)	(137)
Khác	0	0	55.4	3.75	95.9
LCT thuần từ HKKD	(109)	50.8	328	224	453
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	(489)	0	(602)	(116)	(30.8)
Thanh lý	310	0	0	0	0
Khác	7.02	0	(1.35)	(6.37)	(3.43)
LCT thuần từ HĐĐT	(172)	129	(604)	(122)	(34.3)
Cổ tức trả cho CSH	(119)	0	(143)	(178)	(178)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	301	0	273	(1.32)	(68.1)
Khác	(0.66)	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	182	(114)	131	(180)	(246)

Tiền & tương đương tiền đầu kì	189	89.6	155	10.9	(66.6)
LCT thuần trong kỳ	(99.4)	65.7	(144)	(77.4)	172
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.23	0.02	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	89.6	155	10.9	(66.6)	106
Dòng tiền tự do	(109)	50.8	328	224	453

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	17.1	16.6	13.1	14.7	14.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.63	8.51	7.93	10.3	10.2
Tỷ suất LNT (%)	6.64	6.30	4.30	5.43	5.54
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	20.2	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	11.9	3.12	14.3	6.75
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(34.9)	10.3	(3.86)	48.2	5.46
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	14.7	6.02	(29.5)	44.2	9.02
Tăng trưởng EPS (%)	13.4	6.02	(29.5)	44.2	9.02
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	14.7	6.02	(29.5)	44.2	9.02
Tăng trưởng DPS (%)	13.3	(29.4)	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	69.4	46.2	65.6	56.9	52.1

Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.8	16.7	11.2	15.3	15.5
ROACE (%)	21.8	22.6	14.7	18.9	19.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.57	1.49	1.40	1.48	1.50
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.29)	0.12	1.06	0.51	0.95
Số ngày tồn kho	144	153	147	150	150
Số ngày phải thu	20.9	23.0	22.0	22.8	23.2
Số ngày phải trả	41.0	42.1	41.6	40.9	40.2

Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	35.3	33.8	54.2	55.2	41.1
Nợ/tài sản (%)	22.8	23.4	28.6	27.4	25.0
EBIT/lãi vay (lần)	27.3	13.8	8.18	8.75	10.0
Nợ/EBITDA (lần)	1.89	1.92	2.71	1.86	1.67
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.55	1.63	1.54	1.58	1.70

Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.72	0.66	0.72	0.64	0.56
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.37	7.70	9.05	6.24	5.53
P/E (lần)	9.21	8.68	12.3	8.55	7.84
P/E ĐC (lần)	10.1	9.54	13.5	9.39	8.61
P/B (lần)	1.51	1.40	1.35	1.26	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	7.54	5.32	5.32	6.65	6.65

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn